



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 23- ĐỊA 9

Hãy đọc kĩ câu hỏi và khoanh tròn vào đáp án đúng nhất.

Câu 1: Vùng Đông Nam Bộ gồm bao nhiêu tỉnh, thành phố

- A. 6 B. 7 C. 8 D. 9

Câu 2: Vùng đông nam Bộ đứng thứ mấy về diện tích trong các vùng kinh tế

- A. 3 B. 5 C. 6 D. 7

Câu 3: Tỉnh, thành phố nào trong vùng ĐNB luôn đứng đầu về hoạt động xuất khẩu của vùng

- A. T.p Hồ Chí Minh B. Bà Rịa – Vũng Tàu
C. Biên Hòa D. Đồng Nai

Câu 4: Thành phố Hồ Chí Minh chiếm bao nhiêu % giá trị sản xuất công nghiệp toàn vùng

- A. 40% B. 50% C. 60% D. 70%

Câu 5: Trung tâm công nghiệp khai thác dầu khí của vùng ĐNB

- A. Thành phố Hồ Chí Minh B. Biên Hòa
C. Vũng Tàu D. Bà Rịa – Vũng Tàu

Câu 6: Trước năm 1975, công nghiệp Đông Nam Bộ chủ yếu phát triển ngành nào?

- A. Sản xuất hàng tiêu dùng; chế biến lương thực, thực phẩm
B. Sản xuất hàng tiêu dùng; vật liệu xây dựng
C. Luyện kim, hóa chất
D. Cơ khí; năng lượng

Câu 7: Khó khăn trong sản xuất công nghiệp của vùng là

- A. Thiếu vốn, thiếu lao động
B. Thiếu nguyên liệu, nhiên liệu
C. Cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, ô nhiễm môi trường
D. Thị trường có nhiều biến động

Câu 8: Cây công nghiệp lâu năm có diện tích lớn nhất vùng ĐNB là

- A. Cà phê B. Cao su C. Hồ tiêu D. Điều

Câu 9: Ngành chăn nuôi gia súc, gia cầm vùng ĐNB phát triển theo hướng

- A. Chăn nuôi hộ gia đình
B. Chăn nuôi tư nhân
C. Chăn nuôi theo hướng công nghiệp
D. Cả 3 ý trên

Câu 10: Vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây công nghiệp trên diện tích ổn định và có giá trị hàng hóa cao là:

- A. Áp dụng khoa học kỹ thuật
B. Vấn đề về vốn
C. Vấn đề về nguồn lao động
D. Vấn đề thủy lợi

Câu 11: Các trung tâm công nghiệp có quy mô rất lớn của vùng Đông Nam Bộ là

- A. T.p Hồ Chí Minh.
- B. Bà Rịa – Vũng Tàu
- C. Biên Hòa
- D. Thủ Dầu Một

Câu 12: Đầu mối GTVT quan trọng nhất của vùng Đông Nam Bộ

- A. T.p Hồ Chí Minh
- B. Bà Rịa – Vũng Tàu
- C. Biên Hòa
- D. Đồng Nai

Câu 13: Đông Nam Bộ là vùng dẫn đầu cả nước trong hoạt động xuất nhập khẩu

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 14: Đông Nam Bộ là địa bàn có sức hút mạnh nhất nguồn đầu tư nước ngoài

- A. Đúng
- B. Sai

Câu 15: Các mặt hàng xuất khẩu của vùng Đông Nam Bộ

- A. Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng may mặc, giày dép
- B. Dầu thô, thực phẩm chế biến, máy móc thiết bị, giày dép
- C. Dầu thô, nguyên liệu sản xuất, máy móc thiết bị, hàng may mặc
- D. Dầu thô, thực phẩm chế biến, hàng tiêu dùng cao cấp, hàng may mặc

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày

27/02/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 23 – SINH 9

Câu 1. Xác định số lượng giao tử và viết tất cả các kiểu gen của các giao tử của các cơ thể có kiểu gen sau:

	Số lượng giao tử	Kiểu gen của giao tử
AA		
Aa		
aa		
AABb		
AABB		
AaBB		
AaBb		
aaBb		
Aabb		
aabb		

Câu 2. Phương pháp nào sau đây không được sử dụng trong nghiên cứu di truyền người?

- A. Nghiên cứu phả hệ
- B. Gây đột biến nhân tạo
- C. Nghiên cứu tế bào
- D. Nghiên cứu trẻ đồng sinh

Câu 3. So với bộ NST của người bình thường, bộ NST của người mắc hội chứng Tớcơ là

- A. thừa 1 NST giới tính.
- B. thiếu 1 NST giới tính.
- C. thừa 1 NST số 21.
- D. thiếu 1 NST số 21.

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 23 – MÔN VẬT LÝ – LỚP 9

Năm học 2020 - 2021

Câu 1: Ta nói rằng tại một điểm A trong không gian có từ trường thì một kim nam châm đặt tại A sẽ thế nào?

Câu 2: Các đường sức từ của một ống dây có dòng điện một chiều không đổi chạy qua có chiều như thế nào ở ngoài ống dây?

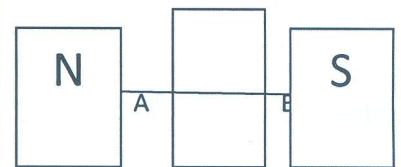
Câu 3: Khi cho dòng điện một chiều không đổi chạy vào cuộn dây sơ cấp của một máy biến thế thì trong cuộn thứ cấp xuất hiện dòng điện nào?

Câu 4: Một cuộn dây dẫn có dòng điện một chiều chạy qua cuộn dây sẽ như thế nào khi đặt gần đó một kim nam châm?

Câu 5: Muốn cho một cái đinh thép trở thành một nam châm, ta làm như thế nào?

Câu 6: Phát biểu quy tắc bàn tay trái, quy tắc nắm tay phải.

Câu 7: Khi cho khung dây dẫn kín vẽ ở hình 1 quay đều xung quanh trục AB thì trong khung dây dẫn xuất hiện gì?



Hình 1

Câu 8: Dùng ampe kế có kí hiệu AC hay (~) ta có thể đo được giá trị nào?

Câu 9: Trong một máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải có các bộ phận chính bố trí như sau:

A) Một nam châm có thể quay quanh một trục vuông góc với trục của cuộn dây dẫn.

B) Một cuộn dây dẫn kín có thể quay quanh trục của nó trước một nam châm.

Câu 10: Nếu tăng hiệu điện thế ở hai đầu đường dây tải điện lên 200 lần thì công suất hao phí vì tỏa nhiệt trên đường dây sẽ tăng hay giảm bao nhiêu lần?

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021

PHẦN 1 LÝ THUYẾT ÔN TẬP HÓA HỮU CƠ**1. OXIT**

a) **Định nghĩa:** Oxit là hợp chất gồm 2 nguyên tố, trong đó có một nguyên tố là oxi.

Vd: CaO , SO_2 , CO , Na_2O , Fe_3O_4 , P_2O_5 , ...

b) **Tính chất hóa học:**

Tính chất hóa học	OXIT AXIT	OXIT BAZƠ
1. Tác dụng với nước	Một số oxit axit (SO_2 , CO_2 , N_2O_5 , P_2O_5 , ...) + nước $\rightarrow$ dd axit Vd: $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{O} \rightarrow \text{H}_2\text{CO}_3$ $\text{P}_2\text{O}_5 + 3\text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{H}_3\text{PO}_4$	Một số oxit bazơ (Na_2O , BaO , CaO , K_2O , ...) + nước $\rightarrow$ dd bazơ Vd: $\text{Na}_2\text{O} + \text{H}_2\text{O} \rightarrow 2\text{NaOH}$ ★ Các oxit bazơ như: MgO , CuO , Al_2O_3 , FeO , Fe_2O_3 , ... không tác dụng với nước.
2. Tác dụng với axit	< Không phản ứng >	Oxit bazơ + axit $\rightarrow$ muối + nước Vd: $\text{CuO} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{CuCl}_2 + \text{H}_2\text{O}$
3. Tác dụng với dd bazơ (kiềm)	Oxit axit + dd bazơ $\rightarrow$ muối + nước Vd: $\text{SO}_2 + \text{Ca}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{CaSO}_3 + \text{H}_2\text{O}$ $\text{CO}_2 + \text{Ba}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{BaCO}_3 + \text{H}_2\text{O}$	< Không phản ứng >
4. Tác dụng với oxit axit	< Không phản ứng >	Oxit bazơ + oxit axit $\rightarrow$ muối Vd: $\text{CaO} + \text{CO}_2 \rightarrow \text{CaCO}_3$
5. Tác dụng với oxit bazơ	Oxit axit + oxit bazơ $\rightarrow$ muối Vd: $\text{SO}_2 + \text{BaO} \rightarrow \text{BaSO}_3$	< Không phản ứng >

2. AXIT

a) **Định nghĩa:** Axit là hợp chất mà phân tử gồm có một hay nhiều nguyên tử H liên kết với gốc axit. Các nguyên tử H này có thể thay thế bằng các ng/tử kim loại.

Vd: HCl , HNO_3 , H_2SO_4 , H_3PO_4 , ...

b) **Tính chất hóa học:**

1. Tác dụng với chất chỉ thị: Dd axit làm giấy quỳ tím chuyển sang màu đỏ.	3. Tác dụng với oxit bazơ: $\text{Axit} + \text{oxit bazơ} \rightarrow \text{muối} + \text{nước}$ Vd: $\text{CaO} + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{CaSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$
2. Tác dụng với kim loại: Một số dd axit (HCl , H_2SO_4 loãng) + các kim loại đứng trước H (trong dãy HĐHH của kim loại) $\rightarrow$ muối + $\text{H}_2 \uparrow$	4. Tác dụng với bazơ: $\text{Axit} + \text{bazơ} \rightarrow \text{muối} + \text{nước}$ (phản ứng trung hòa) Vd: $2\text{Fe}(\text{OH})_3 + 3\text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Fe}_2(\text{SO}_4)_3 + 6\text{H}_2\text{O}$

Vd: $2\text{Al} + 3\text{H}_2\text{SO}_4\text{loãng} \rightarrow \text{Al}_2(\text{SO}_4)_3 + 3\text{H}_2\uparrow$ $\text{Zn} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{ZnCl}_2 + \text{H}_2\uparrow$ * H_2SO_4 đặc và HNO_3 tác dụng với hầu hết các kim loại tạo muối nhưng không giải phóng khí H_2. Vd: $\text{Cu} + 2\text{H}_2\text{SO}_4\text{đặc} \rightarrow \text{CuSO}_4 + \text{SO}_2\uparrow + 2\text{H}_2\text{O}$ * H_2SO_4 đặc có tính háo nước.	$6\text{H}_2\text{O}$ 5. Tác dụng với muối: Axit + muối $\rightarrow$ muối mới + axit mới Vd: $\text{H}_2\text{SO}_4 + \text{BaCl}_2 \rightarrow \text{BaSO}_4\downarrow + 2\text{HCl}$ $2\text{HCl} + \text{Na}_2\text{CO}_3 \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2\uparrow$ * Điều kiện phản ứng xảy ra: Sản phẩm phải có chất không tan hoặc chất khí.
--	---

3. BAZƠ

a) **Định nghĩa:** Bazơ là hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hiđroxit (OH).

Vd: KOH, NaOH, Ba(OH)₂, Al(OH)₃, ...

b) **Tính chất hóa học:**

1. Tác dụng với chất chỉ thị: Dd bazơ làm giấy quỳ tím chuyển sang màu xanh, dd phenolphtalein chuyển sang màu đỏ. 2. Tác dụng với oxit axit: Dd bazơ + oxit axit $\rightarrow$ muối + nước Vd: $\text{Ca}(\text{OH})_2 + \text{SO}_3 \rightarrow \text{CaSO}_4 + \text{H}_2\text{O}$ 3. Tác dụng với axit: Bazơ + axit $\rightarrow$ muối + nước (phản ứng trung hòa) Vd: $\text{NaOH} + \text{HCl} \rightarrow \text{NaCl} + \text{H}_2\text{O}$	4. Tác dụng với muối: Dd bazơ + dd muối $\rightarrow$ muối mới + bazơ mới Vd: $\text{Ba}(\text{OH})_2 + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4\downarrow + \text{Cu}(\text{OH})_2\downarrow$ $3\text{NaOH} + \text{FeCl}_3 \rightarrow \text{Fe}(\text{OH})_3\downarrow + 3\text{NaCl}$ * Điều kiện phản ứng xảy ra: Sản phẩm phải có chất không tan. 5. Phản ứng nhiệt phân: Bazơ không tan $\rightarrow$ oxit bazơ + nước Vd: $\text{Cu}(\text{OH})_2 \rightarrow \text{CuO} + \text{H}_2\text{O}$
--	---

*** Sản xuất natri hiđroxit:**



4. MUỐI

a) **Định nghĩa:** Muối là hợp chất mà phân tử có một hay nhiều nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều gốc axit. Vd: NaCl, MgSO₄, Fe(NO₃)₂, BaCO₃, ...

b) **Tính chất hóa học:**

1. Tác dụng với kim loại: Muối + kim loại $\rightarrow$ muối mới + kim loại mới Vd: $\text{Fe} + \text{CuSO}_4 \rightarrow \text{FeSO}_4 + \text{Cu}$ $\text{Cu} + 2\text{AgNO}_3 \rightarrow \text{Cu}(\text{NO}_3)_2 + 2\text{Ag}$ * Lưu ý: Kim loại đứng trước (trừ K, Na, Ca, ...) đẩy kim loại đứng sau (trong dãy HĐHH của kim loại) ra khỏi dung dịch muối của chúng. 2. Tác dụng với axit: Muối + axit $\rightarrow$ muối mới + axit mới Vd: $\text{BaCl}_2 + \text{H}_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{BaSO}_4\downarrow + 2\text{HCl}$ $\text{Na}_2\text{CO}_3 + 2\text{HCl} \rightarrow 2\text{NaCl} + \text{H}_2\text{O} + \text{CO}_2\uparrow$	3. Tác dụng với bazơ: Dd muối + dd bazơ $\rightarrow$ muối mới + bazơ mới Vd: $\text{CuSO}_4 + 2\text{NaOH} \rightarrow \text{Cu}(\text{OH})_2\downarrow + \text{Na}_2\text{SO}_4$ * Điều kiện phản ứng xảy ra: Sản phẩm phải có chất không tan. 4. Tác dụng với muối: Muối + muối $\rightarrow$ 2 muối mới Vd: $\text{NaCl} + \text{AgNO}_3 \rightarrow \text{AgCl}\downarrow + \text{NaNO}_3$ * Điều kiện phản ứng xảy ra: Sản phẩm phải có chất không tan. 5. Phản ứng nhiệt phân hủy:
---	---

* Điều kiện phản ứng xảy ra: Sản phẩm phải có chất không tan hoặc chất khí.	Một số muối bị phân hủy ở nhiệt độ cao: Vd: $\text{CaCO}_3 \rightarrow \text{CaO} + \text{CO}_2\uparrow$
--	--

- Điều kiện để phản ứng trao đổi xảy ra: Phản ứng trao đổi trong dung dịch của các chất chỉ xảy ra nếu sản phẩm tạo thành có chất không tan hoặc chất khí.

5. Dãy hoạt động hóa học của kim loại

Theo chiều giảm dần độ hoạt động của kim loại:

K, Na, Ba, Ca, Mg, Al, Zn, Fe, Pb, (H), Cu, Ag, Au

Ý nghĩa dãy hoạt động hóa học của kim loại:

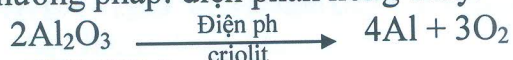
- Mức độ hoạt động hóa học của kim loại giảm dần từ trái qua phải.
- Kim loại đứng trước Mg tác dụng với nước ở điều kiện thường $\rightarrow$ kiềm và khí hiđro.
- Kim loại đứng trước H phản ứng với một số dd axit (HCl, H_2SO_4 loãng, ...) $\rightarrow$ khí H_2 .
- Kim loại đứng trước (trừ Na, K...) đẩy kim loại đứng sau ra khỏi dung dịch muối.

* SO SÁNH TÍNH CHẤT CỦA NHÔM VÀ SẮT:

Tính chất	NHÔM (Al = 27)	SẮT (Fe = 56)
	* Lưu ý: Al và Fe không phản ứng với HNO_3 đặc nguội và H_2SO_4 đặc nguội.	
Tính chất khác Tác dụng với dd kiềm	Nhôm + dd kiềm $\rightarrow \text{H}_2\uparrow$	< Không phản ứng >
	Trong các phản ứng: Al luôn có hóa trị III.	Trong các phản ứng: Fe có hai hóa trị: II, III.

* Sản xuất nhôm:

- Nguyên liệu: quặng boxit (thành phần chủ yếu là Al_2O_3), than cốc, không khí.
- Phương pháp: điện phân nóng chảy.



IV – PHI KIM:

1. TÍNH CHẤT CHUNG CỦA PHI KIM

a) Tính chất vật lý:

- Ở điều kiện thường, phi kim tồn tại ở cả 3 trạng thái: rắn (S, P, ...); lỏng (Br_2); khí (Cl_2 , O_2 , N_2 , H_2).
- Phần lớn các nguyên tố phi kim không có ánh kim, dẫn điện, dẫn nhiệt kém; Nhiệt độ nóng chảy thấp.
- Một số phi kim độc như: Cl_2 , Br_2 , I_2 .

b) Tính chất hóa học:

1. Tác dụng với kim loại: • Nhiều phi kim + kim loại $\rightarrow$ muối: Vd: $2\text{Na} + \text{Cl}_2 \xrightarrow{t^0} 2\text{NaCl}$ • Oxi + kim loại $\xrightarrow{t^0}$ oxit: Vd: $2\text{Cu} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^0} 2\text{CuO}$ 2. Tác dụng với hiđro: • Oxi + khí hiđro $\rightarrow$ hơi nước	3. Tác dụng với oxi: Nhiều phi kim + khí oxi $\rightarrow$ oxit axit Vd: $\text{S} + \text{O}_2 \xrightarrow{t^0} \text{SO}_2$ $4\text{P} + 5\text{O}_2 \xrightarrow{t^0} 2\text{P}_2\text{O}_5$ 4. Mức độ hoạt động hóa học của phi kim: - Mức độ hoạt động hóa học mạnh hay yếu của phi kim thường được xét căn
---	--

$2H_2 + O_2 \rightarrow 2H_2O$ • Clo + khí hiđro $\xrightarrow{t^0}$ khí hiđro clorua $H_2 + Cl_2 \rightarrow 2HCl$ • Nhiều phi kim khác (C, S, Br ₂ , ...) phản ứng với khí hiđro tạo thành hợp chất khí.	cứ vào khả năng và mức độ phản ứng của phi kim đó với kim loại và hiđro. - Flo, oxi, clo là những phi kim hoạt động mạnh (flo là phi kim hoạt động mạnh nhất). - Lưu huỳnh, photpho, cacbon, silic là những phi kim hoạt động yếu hơn.
--	--

SO SÁNH TÍNH CHẤT CỦA CLO VÀ CACBON

Tính chất	CLO	CACBON (than vô định hình)
Tính chất vật lý	- Clo là chất khí, màu vàng lục. - Clo là khí rất độc, nặng gấp 2,5 lần không khí.	- Cacbon ở trạng thái rắn, màu đen. - Than có tính hấp phụ màu, chất tan trong dung dịch.
Tính chất hóa học		
1. Tác dụng với H ₂	$H_2 + Cl_2 \xrightarrow{t^0} 2HCl$	$C + 2H_2 \xrightarrow{500^{\circ}C} CH_4$
2. Tác dụng với oxi	Clo không phản ứng trực tiếp với oxi.	$C + O_2 \xrightarrow{t^0} CO_2$
3. Tác dụng với oxit bazơ	< Không phản ứng >	$2CuO + C \rightarrow 2Cu + CO_2$
4. Tác dụng với kim loại	$2Fe + 3Cl_2 \rightarrow 2FeCl_3$	< Khó xảy ra >
5. Tác dụng với nước	$Cl_2 + H_2O \rightleftharpoons HCl + HClO$	< Khó xảy ra >
6. Tác dụng với dd kiềm	$Cl_2 + 2NaOH \rightarrow NaCl + NaClO + H_2O$	< Không phản ứng >

★ Điều chế clo:

- Trong phòng thí nghiệm: $MnO_2 + HCl_{đặc} \rightarrow MnCl_2 + Cl_2 \uparrow + H_2O$
- Trong công nghiệp: $2NaCl \xrightarrow[\text{có màng ngăn}]{\text{Điện phân}} 2NaOH + Cl_2 \uparrow + H_2 \uparrow$

3. CÁC OXIT CỦA CACBON

Tính chất	CACBON OXIT (CO)	CACBON ĐIOXIT (CO ₂)
Tính chất vật lý	- CO là khí không màu, không mùi. - CO là khí rất độc.	- CO ₂ là khí không màu, nặng hơn không khí. - Khí CO ₂ không duy trì sự sống, sự cháy.
Tính chất hóa học		
1. Tác dụng với H ₂ O	Không phản ứng ở nhiệt độ thường.	$CO_2 + H_2O \rightleftharpoons H_2CO_3$
2. Tác dụng với dd kiềm	< Không phản ứng >	$CO_2 + 2NaOH \rightarrow Na_2CO_3 + H_2O$ $CO_2 + NaOH \rightarrow NaHCO_3$
3. Tác dụng với oxit bazơ	Ở nhiệt độ cao: CO là chất khử: $3CO + Fe_2O_3 \rightarrow 3CO_2 + 2Fe$	$CO_2 + CaO \rightarrow CaCO_3$

★ TÍNH TAN TRONG NƯỚC CỦA MỘT SỐ DUNG DỊCH BAZƠ, MUỐI:

Bazơ tan	KOH, NaOH, Ba(OH) ₂ , Ca(OH) ₂ ít tan.
Bazơ không tan	Còn lại
Muối Sunfat (=SO ₄)	Hầu hết tan (trừ BaSO ₄ , PbSO ₄ không tan).
Muối Sunfit (=SO ₃)	Hầu hết không tan (trừ K ₂ SO ₃ , Na ₂ SO ₃ tan).
Muối Nitrat (-NO ₃)	Tất cả đều tan.
Muối Photphat (≡PO ₄)	Hầu hết không tan (trừ K ₃ PO ₄ , Na ₃ PO ₄ tan).
Muối Cacbonat (=CO ₃)	Hầu hết không tan (trừ K ₂ CO ₃ , Na ₂ CO ₃ tan).
Muối Clorua (-Cl)	Hầu hết đều tan (trừ AgCl không tan).

★ HÓA TRỊ CỦA MỘT SỐ NGUYÊN TỐ VÀ NHÓM NGUYÊN TỬ:

	Hóa trị (I)	Hóa trị (II)	Hóa trị (III)
Kim loại	Na, K, Ag	Ca, Ba, Mg, Zn, Fe, Pb, Cu, Hg	Al, Fe
Nhóm nguyên tử	-NO ₃ ; (OH) (I)	=CO ₃ ; =SO ₃ ; =SO ₄	PO ₄
Phi kim	Cl, H, F	O	

PHẦN 2 BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM TUẦN 23

Câu 1: Thép là hợp kim của sắt với cacbon và một số nguyên tố khác trong đó hàm lượng cacbon chiếm:

- A. Trên 2% B. Dưới 2% C. Từ 2% đến 5% D. Trên 5%

Câu 2 Gang là hợp kim của sắt với cacbon và một lượng nhỏ các nguyên tố khác như: Si, Mn, S,... trong đó hàm lượng cacbon chiếm:

- A. Từ 2% đến 6% B. Dưới 2% C. Từ 2% đến 5% D. Trên 6%

Câu 3 Cho dây sắt quấn hình lò xo (đã được nung nóng đỏ) vào lọ đựng khí clo. Hiện tượng xảy ra là:

- A. Sắt cháy tạo thành khói trắng dày đặc bám vào thành bình.
B. Không thấy hiện tượng phản ứng
C. Sắt cháy sáng tạo thành khói màu nâu đỏ
D. Sắt cháy sáng tạo thành khói màu đen

Câu 4 Ngâm một cây đinh sắt sạch vào dd bạc nitrat. Hiện tượng xảy ra là:

- A. Không có hiện tượng gì cả. B. Bạc được giải phóng, nhưng sắt không biến đổi.
C. Không có chất nào sinh ra, chỉ có sắt bị hoà tan. D. Sắt bị hoà tan một phần, bạc được giải phóng.

Câu 5 Hoà tan hỗn hợp gồm Fe và Cu vào dung dịch HCl (vừa đủ). Các sản phẩm thu được sau phản ứng là:

- A. FeCl₂ và khí H₂ B. FeCl₂, Cu và khí H₂ C. Cu và khí H₂ D. FeCl₂ và Cu

Câu 6: Kim loại được dùng để làm sạch FeSO₄ có lẫn tạp chất là CuSO₄ là:

- A. Fe B. Zn C. Cu D. Al

Câu 7 Một tấm kim loại bằng vàng bị bám một lớp kim loại sắt ở bề mặt, để làm sạch tấm kim loại vàng ta dùng:

- A. Dung dịch CuSO₄ dư B. Dung dịch FeSO₄ dư
C. Dung dịch ZnSO₄ dư D. Dung dịch H₂SO₄ loãng

Câu 8: Trong các chất sau đây chất nào chứa hàm lượng sắt nhiều nhất?

- A. FeS_2 B. FeO C. Fe_2O_3 D. Fe_3O_4

Câu 9 Để chuyển FeCl_3 thành $\text{Fe}(\text{OH})_3$, người ta dùng dung dịch:

- A. HCl B. H_2SO_4 C. NaOH D. AgNO_3

Câu 10 Phản ứng tạo ra muối sắt (III) sunfat là:

- A. Sắt phản ứng với H_2SO_4 đặc, nóng. B. Sắt phản ứng với dung dịch H_2SO_4 loãng
C. Sắt phản ứng với dung dịch CuSO_4 D. Sắt phản ứng với dung dịch $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$

Câu 11. Cho các kim loại: Fe, Cu, Zn, Na, Ag, Pb, Al. Dãy kim loại nào sau đây được sắp xếp theo chiều tính kim loại tăng dần?

- A. Na; Al; Zn; Fe; Pb; Cu; Ag. B. Al; Na; Zn; Fe; Pb; Al; Na.
C. Ag; Cu; Pb; Zn; Fe; Al; Na. D. Ag; Cu; Pb; Fe; Zn; Al; Na.

Câu 12. Cho các cặp chất sau:

1. $\text{Al} + \text{H}_2\text{SO}_4$ loãng 2. $\text{Zn} + \text{CuSO}_4$ 3. $\text{K} + \text{H}_2\text{SO}_4$
4. $\text{Ag} + \text{HCl}$ 5. $\text{Cu} + \text{AgNO}_3$ 6. $\text{Al}_2\text{O}_3 + \text{H}_2$

Các cặp chất xảy ra phản ứng là:

- A. 1, 2, 3, 5 B. 1, 2, 3, 6 C. 1, 2, 3, 4, 5, 6
D. 3, 4, 5, 6

Câu 13. Cho 26 gam FeCl_3 tác dụng với dung dịch NaOH 10%. Khối lượng dung dịch NaOH đem dùng là:

- A. 192 gam B. 19,2 gam C. 30,2 gam
D. 20 gam

Câu 14. Hòa tan hoàn toàn a gam Fe cần 50 gam dung dịch H_2SO_4 49%, thu được muối FeSO_4 và khí H_2 . Giá trị của a là:

- A. 14 gam B. 28,57 gam C. 5,6 gam D. 9,8 gam

Câu 15. Cho một lượng bột sắt dư vào 200 ml dung dịch HCl , thu được 6,72 lít khí (đktc). Khối lượng muối tạo thành và nồng độ mol của HCl là:

- A. 38,1 gam và 3M B. 25 gam và 1,5M C. 30 gam và 1,5M
D. 40,5 gam và 3M

Câu 16 Hoà tan 16,8g kim loại hoá trị II vào dung dịch HCl dư, sau phản ứng thu được 6,72 lít khí H_2 (đktc). Kim loại đem hoà tan là:

- A. Mg B. Zn C. Pb D. Fe

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021

TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 23 – MÔN GDCD 9

Đề bài: Hãy dựa vào nội dung bài “Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân” em hãy đọc và khoanh tròn vào đáp án mà em cho là đúng nhất.

Câu 1: *Hôn nhân hạnh phúc phải được xây dựng trên cơ sở quan trọng nào dưới đây?*

- A. Hoàn cảnh gia đình tương xứng
- B. Hợp nhau về gu thời trang.
- C. Tình yêu chân chính
- D. Có việc làm ổn định.

Câu 2: *Pháp luật Việt Nam quy định độ tuổi nào dưới đây được phép kết hôn?*

- A. Nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam, nữ từ đủ 20 tuổi trở lên.
- C. Nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên
- D. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.

Câu 3: *Em không đồng ý với ý kiến nào dưới đây khi nói về hôn nhân?*

- A. Hôn nhân phải được Nhà nước thừa nhận.
- B. Mục đích chính của hôn nhân là để duy trì và phát triển kinh tế.
- C. Hôn nhân nhằm mục đích chung sống lâu dài và xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc.

Câu 4: *Hậu quả nào dưới đây không phải của nạn tảo hôn?*

- A. Không thể gặp lại người thân.
- B. Làm giảm chất lượng dân số.
- C. Ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của cả mẹ và con.
- D. Mâu thuẫn trong gia đình do vợ chồng còn quá trẻ.

Câu 5: *Điều nào sau đây không phải là mục đích của hôn nhân:*

- A. xây dựng gia đình hạnh phúc
- B. củng cố tình yêu lứa đôi
- C. tổ chức đời sống vật chất của gia đình
- D. thực hiện đúng nghĩa vụ của công dân đối với đất nước

Câu 6: *Ý nào dưới đây vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam?*

- A. Hôn nhân tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.
- B. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, không ai có quyền can thiệp.
- C. Hôn nhân giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo.
- D. Hôn nhân cùng lúc giữa một công dân Việt Nam với hai người nước ngoài.

Câu 7: *Ý kiến nào dưới đây không vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân?*

- A. Kết hôn khi nam, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên,
- B. Cha mẹ có quyền quyết định về hôn nhân của con.
- C. Trong gia đình, người chồng là người quyết định mọi việc.
- D. Kết hôn do nam nữ tự nguyện, trên cơ sở tình yêu chân chính.

Câu 8: *Độ tuổi được phép kết hôn theo quy định của pháp luật hiện hành đối với nam, nữ là?*

- A. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ 17 tuổi trở lên
- C. Nam đủ 21 tuổi trở lên, nữ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Nam từ 19 tuổi trở lên, nữ đủ 18 tuổi.



Câu 9: Bình đẳng trong hôn nhân là vợ chồng

- A. quyền và nghĩa vụ không ngang nhau.
- B. chỉ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau tùy trường hợp.
- C. có quyền ngang nhau nhưng nghĩa vụ không ngang nhau.
- D. có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình.

Câu 10: Pháp luật Việt Nam không cấm kết hôn những trường hợp nào dưới đây?

- A. Người đã từng có vợ, có chồng
- B. Người mất năng lực hành vi dân sự.
- C. Giữa những người có họ trong phạm vi ba đời.
- D. Giữa người đã từng là cha, mẹ nuôi với con nuôi.

Câu 11: Nội dung nào sau đây thể hiện quyền bình đẳng trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình ?

- A. Cùng đóng góp công sức để duy trì đời sống phù hợp với khả năng của mình.
- B. Tự do lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với khả năng của mình.
- C. Thực hiện đúng các giao kết trong hợp đồng lao động.
- D. Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động.

Câu 12: Hành vi nào dưới đây không vi phạm quy định của pháp luật trong hôn nhân?

- A. Kết hôn giả, li hôn giả.
- B. Cản trở việc tảo hôn.
- C. Yêu sách của cải trong kết hôn.
- D. Cản trở việc li hôn.

Câu 13: Ý kiến nào dưới đây không đúng khi nói về hôn nhân?

- A. Vợ chồng phải bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.
- B. Tình yêu chân chính là cơ sở quan trọng của hôn nhân.
- C. Muốn hôn nhân hạnh phúc phải có sự môn đăng hộ đối.
- D. Nam, nữ có quyền kết hôn, li hôn theo quy định của pháp luật.

Câu 14: Câu thành ngữ " Thuận vợ thuận chồng , tát biển đông cũng cạn " có ý nghĩa gì ?

- A. Vợ chồng không thống nhất được quan điểm chung.
- B. Vợ chồng đưa ra được thống nhất chung, cùng nhau giải quyết được công việc.
- C. Chồng không đồng ý với lời tham gia của vợ.
- D. Tự ý giải quyết vấn đề không nghe theo lời khuyên của vợ (hoặc chồng).

Câu 15: Nhận định nào sau đây sai?

- A. Vợ chồng phải có trách nhiệm với nhau trong công việc gia đình
- B. Chỉ có cha mẹ mới có quyền dạy dỗ con cái
- C. Cha mẹ nuôi phải có trách nhiệm nuôi dạy con cái như con ruột.
- D. Ông bà, người thân có trách nhiệm nuôi dạy con cháu cho đến khi trưởng thành nếu mồ côi cha mẹ.

Câu 16: Hôn nhân hạnh phúc là gì ?

- A. Một vợ, một chồng.
- B. Một chồng, hai vợ.
- C. Đánh nhau, cãi nhau.
- D. Một vợ, hai chồng.

Câu 17: Bài ca dao sau lên án hủ tục nào dưới đây?

Thân em mười sáu tuổi đầu,
Cha mẹ ép gả làm dâu nhà người.

Nói ra sợ chị em cười,

Năm ba chuyện thảm, chín mười chuyện cay.

- A. Cướp vợ
- B. Trọng nam khinh nữ.

C. Tảo hôn

D. Mê tín dị đoan.

Câu 18: Kết hôn là

A. xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn

B. xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật về độ tuổi, năng lực trách nhiệm pháp lý và đăng ký kết hôn

C. xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật về sự tự nguyện, không bị mất năng lực hành vi dân sự và đăng ký kết hôn

D. xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Luật về độ tuổi, sự tự nguyện và đăng ký kết hôn

Câu 19: M đang học lớp 9 thì bị mẹ bắt nghỉ học và ép gả cho một người nhà giàu, M không đồng ý thì bị mẹ mắng buộc M phải làm đám cưới. Dựa vào kiến thức bài Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân, em hãy khuyên M cần làm gì trong trường hợp này?

A. Chấp nhận sự sắp đặt của bố mẹ.

B. Bỏ nhà đi để trốn tránh cuộc hôn nhân đó.

C. Đến thẳng gia đình nhà giàu kia để yêu cầu họ huỷ hôn.

D. Làm cho bố mẹ hiểu như thế là vi phạm pháp luật.

Câu 20: Anh H và chị T yêu nhau, khi về ra mắt anh chị bị cả hai bên gia đình phản đối vì lí do bà anh H và bà chị T là hai chị em họ xa. Trong trường hợp này, anh H và chị T cần làm gì?

A. Gây áp lực cho hai bên gia đình để được đồng ý.

B. Chấp nhận chia tay theo yêu cầu của hai gia đình.

C. Bỏ qua sự phản đối, hai người vẫn tự tổ chức đám cưới.

D. Giải thích cho gia đình hiểu pháp luật chỉ nghiêm cấm kết hôn những người có họ trong phạm vi ba đời.



Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021

TRƯỜNG THCS PHÚC ĐÔNG

PHIẾU BÀI TẬP LỊCH SỬ 9—TUẦN 23

Đọc kĩ câu hỏi và chọn khoanh tròn chữ cái trước đáp án đúng nhất

Câu 1. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác Đông Dương, trong đó có Việt Nam vì

- A. Pháp bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế tài chính bị kiệt quệ
- B. Nguồn nhân công ở Việt Nam dồi dào, giá thuê nhân công rẻ mạt
- C. Tăng cường thực hiện mục đích của chủ nghĩa thực dân
- D. Việt Nam là nước có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú

Câu 2. So với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp có điểm mới nào?

- A. Tăng cường đầu tư vốn vào nông nghiệp và khai mỏ.
- B. Đầu tư vốn với tốc độ nhanh, quy mô lớn.
- C. Tăng cường bóc lột nguồn nhân công rẻ mạt của thuộc địa.
- D. Vơ vét tài nguyên thiên nhiên của các nước thuộc địa.

Câu 3. Thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào ngành nào trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai ở Việt Nam?

- A. công nghiệp chế biến
- B. thương nghiệp
- C. công nghiệp nặng.
- D. nông nghiệp và khai mỏ.

Câu 4. Vì sao trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp hạn chế phát triển công nghiệp nặng ở Việt Nam?

- A. Nhằm thâm tóm quyền lực vào tay người Pháp.
- B. Để phục vụ nhu cầu công nghiệp chính quốc.
- C. Để cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào kinh tế Pháp.
- D. Do đầu tư vốn nhiều vào nông nghiệp.

Câu 5. Giai cấp công nhân Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất có những điểm riêng, khác với công nhân thế giới là

- A. đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến.
- B. sống tập trung và có tinh thần kỉ luật.
- C. ra đời tương đối sớm so với các giai cấp tầng lớp khác.
- D. chịu ba tầng áp bức, có quan hệ tự nhiên, gắn bó với giai cấp nông dân.

Câu 6. Sự kiện nổi bật nhất trong phong trào yêu nước dân chủ công khai của các tầng lớp tiêu tư sản trí thức 1919- 1925 là

- A. Xuất bản báo “Người nhà quê”
- B. Đấu tranh đòi nhà cầm quyền Pháp thả Phan Bội Châu và để tang Phan Châu Trinh
- C. Khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam quốc dân Đảng
- D. Thành lập nhà xuất bản Nam đồng thư xã

Câu 7. Bài học được rút ra từ cuộc bãi công Ba son (8/1925) còn nguyên giá trị trong thời đại ngày nay là



- A. xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh
- B. tận dụng thời cơ triệt để
- C. vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân
- D. tinh thần đoàn kết quốc tế

Câu 8. Người thành lập công hội bí mật đầu tiên tại Sài Gòn- Chợ Lớn năm 1920 là

- A. Ngô Gia Tự
- B. Trần Văn Giàu
- C. Phan Văn trường
- D. Tôn Đức Thắng

Câu 9. Sự kiện nào trên thế giới có ảnh hưởng lớn đến cách mạng Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới nhất?

- A Sự thành công của Cách mạng tháng Mười Nga (11-1917)
- B Nước Pháp bị khủng hoảng kinh tế nặng nề
- C Nguyễn Ái Quốc đưa yêu sách đến Hội nghị Véc-xai (6-1919)
- D Nguyễn Ái Quốc tham dự Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp (12-1920)

Câu 10. Con đường cứu nước mà Nguyễn Ái Quốc tìm ra cho dân tộc Việt Nam là

- A. Cách mạng vô sản
- B. Cách mạng tư sản
- C. Cách mạng dân chủ tư sản
- D. Cách mạng giải phóng dân tộc.

Câu 11. Sự kiện nào đánh dấu bước chuyển về nhận thức của Nguyễn Ái Quốc từ người yêu nước trở thành chiến sĩ cộng sản?

- A. gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Véc-xai(1919)
- B. Đọc bản sơ thảo luận cương của Lê-nin về vấn đề dân tộc và thuộc địa(7/1920)
- C. Tham gia sáng lập đảng cộng sản Pháp(12/1920)
- D. Tham gia sáng lập Hội Liên hiệp thuộc địa(1921)

Câu 12. Ba tổ chức cộng sản ra đời năm 1929 có tên là

- A. Việt Nam cách mạng Thanh niên, Tân Việt Cách mạng Đảng, Việt Nam quốc dân Đảng.
- B. Việt Nam quốc dân đảng, Đông Dương Cộng sản liên đoàn, An Nam Cộng sản Đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản Đảng, An Nam Cộng sản Đảng, Đông Dương Cộng sản liên Đoàn
- D. Việt Nam Cách mạng Thanh niên, Đông Dương Cộng sản Đảng, Tân Việt Cách mạng Đảng.

Câu 13. Việc chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước ở Việt Nam đầu thế kỉ XX được đánh dấu bằng sự kiện nào??

- A. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời.
- B. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại và sự tan rã của tổ chức Việt Nam quốc dân Đảng.
- C. Nguyễn Ái QUỐC thành lập Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- D. Nguyễn Ái Quốc gửi tới hội nghị Véc-xai bản “ Yêu sách của nhân dân An Nam”

Câu 14. Đỉnh cao của phong trào công nhân và nông dân trong phong trào cách mạng 1930- 1931 diễn ra mạnh nhất ở địa phương nào?

- A. Quảng Bình, Quảng Trị B. Nghệ An, Hà Tĩnh.
C. Hà Tĩnh Quảng Bình D. Thanh Hóa, Nghệ An.

Câu 15. Khối liên minh công- nông lần đầu tiên được hình thành trong phong trào cách mạng nào ở Việt Nam?

- A. Phong trào dân tộc dân chủ 1919- 1930
B. Phong trào cách mạng 1930- 1931
C. Phong trào dân chủ 1936- 1939
D. Phong trào giải phóng dân tộc 1939- 1945

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021





PHÚC ĐÔNG LOWER SECONDARY SCHOOL

Revision Week 23 – RELATIVE CLAUSE – Class 9

I. Fill in each space with “Who, Which, where, when or whose”

1. What is the name of the girl is wearing a white blouse ?
2. I don't like the food is very spicy.
3. Last week, my father returned to his home village he was born.
4. I'll never forget the day you gave me a surprise birthday party.
5. He is the man friends always trust him.
6. My friend Tom..... sings Western folk songs very well can compose songs.
7. I like reading books tell about different people and their culture.
8. On my Mom's birthday my father gave her roses were very sweet and beautiful.
9. He is the man is wearing a blue shirt.
10. She is the woman son is a famous singer.

II. Choose one correct answer to complete the following sentences

1. This is the man _____ has asked me to marry him. (*who / which / whose / whom*)
2. Daisy _____ always well dressed, has won the beauty contest. (*that is / who is / that / who are*)
3. He came in and didn't say anything, _____ worried all of us. (*that / whom / whose / which*)
4. Gloves are things _____ you wear on your hands. (*whose / who / which / whom*)
5. A butcher is someone _____ sells meat. (*who / whom / which / whose*)
6. I'm in love with Chris, _____ is a wonderful person. (*who / that / whom / which*)
7. The bus _____ we got are very old. (*on that / on which / which on / whose on*)
8. I like cars _____ dependable in the winter. (*that are / which is / who are / whose are*)
9. I know a man _____ three horses. (*who owns / which owns / he owns / that owning*)
10. Documentary films are the films _____ I find most interesting. (*who / that / whose / what*)
11. It's this computer program _____ my father created. (*that / whom / who / what*)
12. Mine is the one _____ has a green luggage bag. (*what / whom / who / that*)
13. The CD _____ Victor bought is on the table. (*whose / that / who / whom*)
14. “_____ films are you talking about?” “Gone with the wind.” (*That / Which / Who / Whose*)
15. The book _____ we discussed was a best-seller. (*which / who / whom / whose*)
16. How about the shirt _____ you wore Saturday night? (*which / whom / who / whose*)
17. The person _____ wallet is missing should report to the office. (*which / whose / who / that*)

III. Combine these sentences using the words given in brackets.

- 1) There are some words. They are very difficult to translate. (which)
- 2) The man is a famous actor. You met him at the party last night. (whom)
- 3) His house is big. It is not very far from here. (Which)
- 4) That is the boy. We took him to the theater last night (Whom)
- 5) The student writes well. I've read her composition. (whose)
- 6) We lived in our grandfather's old house. I told you about it . (which)
- 7) Ba lives on Trang Tien Street. He likes playing the guitar .(who)
- 8) Mount Pinatubo erupted in 1991.It is a volcano in the Philippines. (which)
- 9) It snows in Lang Son in the winter of 2002.Lang Son is on the Ky Cung River.
(where)
- 10) Venus is a planet. It is closest to the Earth. (Which)

IV. Make sentences using the words given and relative pronouns or adverbs

1. Alice / mother / die / last year / my friend //
2. English / language / be / speak / over / world //
3. Car / Mr Brown / driving / modern //
4. He / doctor / see / television / yesterday //
5. This / be / place / accident / happen / last //
6. It / be / uncle / give me / bicycle / birthday //

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021



TRƯỜNG THCS PHÚC ĐỒNG

PHIẾU HỌC TẬP TUẦN 23 – NGŨ VĂN 9

Phần I:

Trong văn bản “*Làng*” của Kim Lân có đoạn:

“*Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng Chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”*

(SGK Ngữ văn 9, tập một, trang 166)

1. Tâm trạng của nhân vật được nói đến trong đoạn trích trên là ai? “*Cái cơ sự này*” trong đoạn trích là điều gì?
2. Việc sử dụng liên tiếp các câu nghi vấn trong đoạn văn trên có tác dụng gì trong khi diễn tả những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật?
3. Bằng sự hiểu biết về truyện ngắn “*Làng*”, hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 12 – 15 câu theo phép lập luận tổng - phân - hợp, phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật khi biết “*cái cơ sự này*”. Trong đoạn văn có sử dụng thành phần tình thái và khởi ngữ (Gạch chân và chú thích rõ).
4. Tại sao khi xây dựng hình tượng nhân vật chính luôn hướng về làng chợ Dầu, nhưng tác giả lại đặt tên tác phẩm của mình là “*Làng*” chứ không phải “*Làng chợ Dầu*”?
5. Trong chương trình Ngữ văn THCS cũng có một tác phẩm viết về người nông dân với nỗi đau sâu sắc bộc lộ qua cử chỉ, ngoại hình. Đó là tác phẩm nào? Tác giả là ai?

Phần II

Trong bài thơ “*Ánh trăng*” của Nguyễn Duy có câu: “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*”

1. Chép tiếp câu thơ trên để hoàn thành khổ thứ năm của bài thơ.
2. Từ “*mặt*” thứ hai trong khổ thơ vừa chép được chuyển nghĩa theo phương thức nào? Phân tích cái hay của cách dùng từ nhiều nghĩa trong câu thơ đó?
3. Hãy viết một đoạn văn quy nạp (khoảng 10 câu) phân tích ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí trong khổ thơ kết của bài thơ. Trong đoạn có sử dụng một câu phủ định (Gạch chân câu phủ định).

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021



Trường THCS Phúc Đồng

PHIẾU BÀI TẬP TUẦN 23 MÔN TOÁN LỚP 9

Bài 1. Theo kế hoạch hai tổ phải sản xuất 600 sản phẩm trong một thời gian nhất định. Do áp dụng kỹ thuật mới nên tổ một vượt mức 18% và tổ hai vượt mức 21%. Vì vậy trong thời gian quy định họ đã hoàn thành vượt mức 120 sản phẩm. Hỏi số sản phẩm làm được của mỗi tổ khi áp dụng kỹ thuật mới.

Bài 2. Một thửa ruộng hình chữ nhật, nếu tăng chiều dài thêm 2 m và tăng chiều rộng thêm 3 m thì diện tích tăng thêm 100 m^2 . Nếu cùng giảm cả chiều dài và chiều rộng đi 2m thì diện tích giảm đi 68 m^2 . Tính diện tích của thửa ruộng đó?

Bài 3: Cho đường tròn tâm O, đường kính AB. Trên tiếp tuyến của đường tròn (O) tại A lấy điểm M (M khác A). Từ M vẽ tiếp tuyến thứ hai MC với (O) (C là tiếp điểm). Kẻ CH vuông góc với AB ($H \in AB$), MB cắt (O) tại điểm thứ hai là K và cắt CH tại N. Chứng minh rằng:

- a) Tứ giác AKNH là tứ giác nội tiếp.
- b) $AM^2 = MK \cdot MB$
- c) Góc KAC bằng góc OMB

Ghi chú: HS hoàn thành gửi hình ảnh bài làm về GVBM trong ngày 27/02/2021